

# GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP ỨNG DỤNG

**ĐỖ THẾ HƯNG**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên  
Email: dothehung@utehy.edu.vn

**Tóm tắt:** Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp là xu hướng phổ biến trên thế giới, mang lại lợi ích thiết thực cho nhà trường, doanh nghiệp, người học và xã hội. Mô hình giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE: Professional Oriented Higher Education) đã và đang chứng tỏ được sự phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển như Mĩ, Canada,... tác giả đề xuất giải pháp thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Hợp tác; trường đại học; doanh nghiệp; giáo dục đại học.

(Nhận bài ngày 11/4/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 29/5/2017; Duyệt đăng ngày 25/6/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục (GD) Việt Nam theo chủ trương của Đảng và Nhà nước đề ra, GD đại học (GDĐH) đã có những bước phát triển về quy mô và ứng dụng các mô hình tiên tiến để nâng cao chất lượng (CL) đào tạo (ĐT). Trong đó, mô hình GDĐH theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE: Professional Oriented Higher Education) đã và đang chứng tỏ được sự phù hợp với bối cảnh, điều kiện thực tiễn của Việt Nam và mang lại lợi ích thiết thực trong ĐT nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Mô hình này đòi hỏi các trường đại học (ĐH) đến gần hơn với doanh nghiệp trong hợp tác ĐT, chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ nhằm phục vụ lợi ích của các bên liên quan. Sự hợp tác đó sẽ xóa bỏ khoảng cách giữa lý thuyết với thực hành, giữa ĐT với sử dụng, giữa tốt nghiệp với việc làm. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để thúc đẩy sự hợp tác giữa trường ĐH với doanh nghiệp một cách bền vững và mang lại hiệu quả cao trong ĐT nguồn nhân lực đáp ứng được lợi ích của các bên liên quan? Để giải quyết vấn đề đó, cần có một hệ thống giải pháp được hình thành từ Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp.

## 2. Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp

Quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được thực hiện thông qua mọi hình thức tương tác trực tiếp hay gián tiếp, có tính chất cá nhân hay tổ chức giữa trường ĐH và các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ lẫn nhau: Hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, kích thích sự vận động năng động qua lại của giảng viên, sinh viên (SV) và các nhà chuyên môn đang làm việc tại doanh nghiệp; Thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Xây dựng chương trình ĐT; Tổ chức học tập suốt đời; Hỗ trợ các nỗ lực sáng nghiệp và quản trị tổ chức.

Như vậy, hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp (Universiti-Business Cooperation - UBC) là sự thống nhất, hợp lực của các bên nhằm giúp SV có điều kiện tham gia trực tiếp vào các hoạt động (HD) nghề nghiệp ngay trong quá trình học. Nhờ đó, họ được học thông qua làm việc để hình thành năng lực (NL) chuyên môn, nghề nghiệp và các NL xã hội cần thiết của người kĩ sư/cử nhân theo yêu cầu của thị trường lao động, góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

## 3. Đào tạo đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng

ĐT ĐH theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng tập trung vào việc ĐT SV sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc được ngay trong môi trường chuyên nghiệp. Với sự tham gia tích cực của doanh nghiệp thông qua các HD cố vấn/tư vấn ở cấp độ chương trình, tham gia thỉnh giảng, cung cấp các cơ hội học tập cho SV qua các chương trình thực tập, hướng dẫn nghiệp vụ trong các đồ án nhóm và đồ án tốt nghiệp,... giúp SV có điều kiện tham gia trực tiếp vào các HD nghề nghiệp ngay trong quá trình học. Qua đó, họ được học thông qua làm việc để hình thành NL chuyên môn, nghề nghiệp và các NL xã hội cần thiết của người kĩ sư/cử nhân theo yêu cầu của thị trường lao động.

## 4. Thực trạng mối quan hệ hợp tác trường đại học và doanh nghiệp ở Việt Nam

Nghiên cứu thực trạng được tiến hành thông qua các phương pháp, kĩ thuật chủ yếu sau: Tiến hành phỏng vấn sâu 13 trường ĐH, 16 doanh nghiệp đại diện cho các vùng miền và một số nhà quản lí cấp bộ ngành Trung ương để nghiên cứu định tính, xác lập mô hình khảo sát định lượng trên diện rộng; Nghiên cứu định lượng bằng bảng hỏi qua khảo sát trực tuyến hoặc/và gửi phiếu trả lời đến các cán bộ quản lí, giảng viên và SV của 20 trường



ĐH và 100 doanh nghiệp trên địa bàn cả nước; Sử dụng các phần mềm khảo sát trực tuyến, SPSS, Excel để thu thập, xử lý số liệu khảo sát.

Kết quả khảo sát cho thấy:

- UBC được các bên liên quan đánh giá cao về sự cần thiết. Tuy nhiên, khả năng doanh nghiệp tham gia UBC chỉ đạt mức khá và tập trung chủ yếu vào các phương thức: Hợp tác trong tuyển dụng nhân sự; Trao đổi thông tin về nhu cầu ĐT, CL ĐT và tình trạng việc làm của người tốt nghiệp; Tham gia giảng dạy, diễn thuyết trong trường ĐH; Tham gia xây dựng chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung chương trình ĐT; Tham gia HĐ hướng nghiệp cho SV; Tham gia/hỗ trợ tổ chức sự kiện trong trường ĐH; Tổ chức các HĐ giao lưu văn hóa, từ thiện xã hội; Cung cấp địa điểm và tổ chức thực tập nghề nghiệp cho SV tại doanh nghiệp.

- Việc duy trì UBC chủ yếu theo tính định kỳ, gắn với tình huống công việc đáp ứng nhu cầu trước mắt. Hiệu quả UBC mang lại chỉ ở mức trung bình.

Những phương thức hợp tác hai bên chú trọng thực hiện là: Tổ chức tham quan nhận thức, thực tập nghề nghiệp cho SV tại doanh nghiệp; Hướng nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm; Trao học bổng khuyến khích học tập; Hợp tác tổ chức các HĐ ngoại khóa cho SV; Tổ chức các diễn đàn, hội thảo khoa học, đối thoại nhà trường - doanh nghiệp; Hợp tác trong giới thiệu ngành nghề ĐT, xúc tiến tuyển sinh; Trao đổi thông tin về nhu cầu ĐT, CL ĐT và tình trạng việc làm của người tốt nghiệp; Giao lưu văn hóa và tổ chức các HĐ xã hội.

Các phương thức hợp tác kém hiệu quả và không thường xuyên gồm: Hợp tác tham gia quản trị trường ĐH và quản trị doanh nghiệp; Hợp tác với doanh nghiệp thiết kế các mô phỏng môi trường làm việc thực tế phục vụ ĐT ở trường ĐH; Hỗ trợ kinh phí cho trường ĐH; Doanh nghiệp hỗ trợ cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ĐT.

- Người học là đối tượng hưởng lợi nhiều nhất nhờ UBC, sau đó đến trường ĐH, doanh nghiệp và cuối cùng là các bên liên quan. Những lợi ích ít được quan tâm trong duy trì UBC là: Doanh nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi thuế của Nhà nước; Tạo tiền đề phát triển các ý tưởng sản xuất, kinh doanh mới, lạ cho doanh nghiệp; Thúc đẩy các HĐ xã hội từ thiện ở địa phương; Gia tăng lợi ích kinh tế đối với chính quyền địa phương; Giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong cộng đồng xã hội ở địa phương; Tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên của trường ĐH. Điều này cho thấy phải thay đổi các chính sách của Nhà nước, địa phương về thuế, trách nhiệm xã hội, các cơ chế của trường ĐH và doanh nghiệp giúp các bên được hưởng lợi cao hơn từ UBC để thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác đó.

- Trường ĐH và doanh nghiệp là người chủ động xúc tiến UBC. Đầu mối của nhà trường xúc tiến các HĐ hợp tác chủ yếu đến từ các phòng, ban chức năng của trường, tiếp theo là lãnh đạo trường rồi đến các khoa ĐT và giảng viên. Để thúc đẩy UBC bền vững, trước hết cần

sự ủng hộ hoàn toàn và khởi xướng từ phía lãnh đạo của trường ĐH, doanh nghiệp. Mặt khác, tinh thần hợp tác phải được lan tỏa, huy động được sự tham gia tích cực, nhiệt tình của đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên của nhà trường và doanh nghiệp để tạo ra mối quan hệ rộng mở và tạo được sự thúc đẩy mạnh mẽ nhất trong UBC.

- Hiện nay, hệ thống chính sách được đánh giá là đã có văn bản nhưng ít có tác dụng thúc đẩy UBC. Mặt khác, chưa hề có văn bản luật và những quy định có thể đem lại sự khích lệ thích hợp cho các HĐ hợp tác nghiên cứu. Cơ chế khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp trong công tác quản trị nhà trường (Tham gia Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn của trường, khoa) cũng được đánh giá ở mức ít có tác động.

Các bên liên quan cho rằng, Nhà nước chưa có quy định rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của trường ĐH và doanh nghiệp khi tiến hành hợp tác ĐT (pháp lí, biện pháp chế tài ràng buộc, tiêu chuẩn của người hưởng lợi từ việc hợp tác...). Một số quy định, thí dụ như chính sách về thuế (hóa đơn tài chính), có phần hạn chế sự đóng góp của doanh nghiệp cho nhà trường; Việc áp thuế thu nhập vãng lai đối với các SV thực tập tại doanh nghiệp là bất hợp lí, không khuyến khích được phương thức hợp tác trong tổ chức thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp cho SV. Nguồn lực của nhà trường dành cho HĐ hợp tác còn hạn chế.

## **5. Hợp tác nhà trường và doanh nghiệp ở châu Âu, Mỹ và Canada**

Các mối quan hệ hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp ở các nước có nền GD phát triển khá đa dạng. Tại châu Âu, trường ĐH kí nhiều thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp, bao gồm: Chuyển giao công nghệ, thực hiện các dự án, thực tập SV, phát triển chương trình, trao đổi giảng viên (guest lecturer), hỗ trợ kinh phí (học bổng, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà trường...). Các thỏa thuận này sẽ được xem xét và thay đổi theo từng năm tùy thuộc vào kế hoạch của hai bên [1]. Các doanh nghiệp tại châu Âu bên cạnh việc phát triển kinh doanh cũng tham gia khá sâu vào các HĐ của nhà trường. Họ thường sẵn sàng nhận SV vào thực tập bởi các lí do sau:

- Do được ĐT tốt nên SV có thể làm việc gần như một kĩ sư thực thụ tại doanh nghiệp (đặc biệt là những SV năm cuối đi thực tập tốt nghiệp). Tuy nhiên, các SV này chỉ nhận mức lương bằng khoảng 30-40% mức lương một kĩ sư thông thường được nhận. Như vậy, doanh nghiệp chỉ phải trả chi phí thấp cho một lực lượng lao động trình độ cao. Bảng 1 cho biết chi phí một số công ti chi trả cho một SV thực tập tại Đức [2].

- Một số SV thực tập có tính sáng tạo rất cao bởi vậy đôi khi họ có thể đưa ra các giải pháp tối ưu. Điều này mang lại lợi ích lớn cho doanh nghiệp mặc dù có thể số lượng giải pháp là ít.

- Các doanh nghiệp muốn tuyển được nhân sự tốt phải mất rất nhiều thời gian, công sức và chi phí: Ra thông báo, lựa chọn hồ sơ, phỏng vấn, thử việc. Nếu họ nhận SV vào thực tập thì trong quá trình đó doanh

Bảng 1: Chi phí của một số doanh nghiệp tại Đức chi trả cho SV thực tập

Doanh nghiệp	Mức lương (EUR)	Các phụ cấp khác
ABB Germany	Từ 930 đến 1.020	Hỗ trợ chi phí thuê phòng ở khoảng 300 EUR
Allianz	Từ 960 đến 1.130	
Commerzbank	Theo hợp đồng kí kết	
Deutsche Telekom	Từ 900 đến 1.000	Hỗ trợ chi phí đi lại, thuê phòng ở.
IBM	Từ 800 đến 1.100	Có sẵn phòng ở cho SV
SAP	Từ 850 đến 1.150	Hỗ trợ cho phí đi lại, ăn trưa, laptop và một số chi phí khác
Volkswagen	Khoảng 750	

ng nghiệp có thể chọn ra những SV tốt để vào làm việc tại công ti sau này và kết quả lựa chọn này hầu như là chính xác.

- Luật Lao động ở Đức yêu cầu hợp đồng thử việc chỉ có thời gian 3 tháng. Khoảng thời gian này là quá ngắn để biết được một kĩ sư làm việc tốt hay không. Với những SV đã thực tập tại công ti, doanh nghiệp không phải làm việc này.

- Một kĩ sư mới tốt nghiệp thường mất thêm khoảng 6 tháng ĐT tại công ti để họ làm quen với môi trường làm việc, kiến thức, kĩ năng và các cộng sự mới. Họ cũng phải được làm quen với các phòng ban khác trong công ti để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực. Một SV đã thực tập trong công ti, đã làm quen với các công việc này sẽ không mất thêm thời gian để ĐT.

Không giống như ở Việt Nam, các SV học tập tại châu Âu chủ yếu phải tự tìm nơi thực tập với khoảng thời gian thực tập khá dài (từ 5 tháng trở lên). Để thực hiện được điều này, SV sẽ phải chuẩn bị một bộ hồ sơ NL (Portfolio) từ rất sớm (6 tháng trước ngày thực tập bắt đầu nếu thực tập trong nước hoặc 1 năm nếu muốn thực tập tại nước ngoài). Họ sẽ trực tiếp gửi bộ hồ sơ NL của mình đến các công ti để xin thực tập. Nếu được chấp nhận, hai bên (SV và doanh nghiệp) sẽ kí kết một bản thỏa thuận và gửi về trường. SV sau đó lên kế hoạch thực tập và thường xuyên gửi báo cáo về trường. Quá trình thực tập của SV cũng được hướng dẫn, trợ giúp và đánh giá bởi một giảng viên trong trường [3].

Tại Mĩ và Canada, sự hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp rất phong phú, thể hiện trên nhiều nội dung với nhiều hình thức hợp tác. Các mối quan hệ hợp tác có thể là: Hợp tác trong phát triển chương trình ĐT; Đối tác nghiên cứu; Đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết bị; Phát minh và sở hữu trí tuệ; Doanh nghiệp tham gia vào cơ cấu tổ chức nhà trường; Nhà trường tham gia vào cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Hợp tác trong triển vọng và GD kinh doanh; Thực tập SV; Tham gia hỗ trợ ngắn hạn cho doanh nghiệp; Chuyển giao công nghệ; Ứng dụng khoa học để giải quyết các vấn đề cho doanh nghiệp; ĐT nâng cao và học tập suốt đời; Các mối quan hệ khác... [4].

Qua nhiên cứu, các yếu tố sau đây được cho là động lực thúc đẩy phát triển mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Mĩ và Canada: Hợp tác là chiến lược phát triển của nhà trường, giúp nhà trường nâng cao CL và thu hút được nhiều SV; SV được ĐT để trở nên chuyên nghiệp hơn; Đẩy mạnh đổi mới; Cung cấp nguồn nhân lực; Tiếp cận được các chuyên gia có

trình độ cao; Cung cấp đầu ra cho các kết quả nghiên cứu; Tìm hướng khai thác cho các khả năng nghiên cứu; Đóng góp cho sự phát triển kinh tế vùng và quốc gia; Do áp lực từ các chính sách của chính phủ; Một số yếu tố khác...

## 6. Phương hướng, giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng

### 6.1. Đối với Chính phủ

Tập trung vào 8 giải pháp, trong đó các giải pháp 1, 2, 3 mang tính đột phá:

1) Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá CL HĐ hợp tác trường ĐH - doanh nghiệp và các chính sách thực thi việc kiểm định CL GD ở các trường ĐH.

2) Thể chế hóa mối quan hệ hợp tác nhà trường - doanh nghiệp trong Luật GD, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy, trong đó quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm, phương thức hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp, tránh những xung đột lợi ích hay những mâu thuẫn từ mục tiêu phát triển giữa hai bên.

3) Xây dựng cơ chế tài trợ và kiểm soát HĐ khoa học công nghệ nhằm kích thích HĐ nghiên cứu dưới hình thức hợp tác giữa nhà trường và các doanh nghiệp.

4) Xây dựng khung pháp lí về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác nghiên cứu giữa nhà trường và doanh nghiệp.

5) Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp có các hình thức hợp tác chặt chẽ với nhà trường ĐH.

6) Xây dựng quy định ràng buộc trách nhiệm đóng góp kinh phí đối với những doanh nghiệp không có khả năng thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhà trường.

7) Xây dựng các chính sách khen thưởng, kỉ luật, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực thi các quy định về hợp tác nhà trường - doanh nghiệp.

8) Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy sự hợp tác trong quản trị trường ĐH và doanh nghiệp.

### 6.2. Đối với trường đại học

Thực hiện 12 giải pháp, trong đó các giải pháp đột phá là 1, 2, 3, 6, 7, 10.

1) Coi hợp tác với doanh nghiệp là chiến lược trong



chính sách phát triển nhà trường.

2) Phát triển mạng lưới quan hệ hợp tác doanh nghiệp trong toàn trường.

3) Đảm bảo NL nhà trường trong phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp.

4) Đa dạng hóa nguồn tài chính và điều chỉnh chiến lược thu hút nguồn tài chính cho phù hợp.

5) Khuyến khích sự tham gia của đại diện doanh nghiệp trong bộ máy điều hành của trường ĐH, trong các khoa, các trung tâm.

6) Xây dựng chính sách thu hút các nhà quản lí, nhân lực giỏi từ doanh nghiệp tham gia vào HĐĐT của nhà trường về những kĩ năng tác nghiệp trên máy móc, thiết bị thực tế để quá trình nghiên cứu, giảng dạy sát với thực tiễn.

7) Khuyến khích sự tham gia của giảng viên, SV về các HĐ học thuật và nghề nghiệp ở doanh nghiệp.

8) Xây dựng quy định về phát triển và tổ chức thực hiện chương trình ĐT có sự tham gia của doanh nghiệp.

9) Nâng cao trọng số thực tập trong công ti và làm rõ các kinh nghiệm làm việc cũng như CL SV trong chương trình ĐT.

10) Xây dựng cơ chế tài chính chi trả phù hợp đối với các HĐ hợp tác doanh nghiệp trong ĐT, phát triển NL của SV, giảng viên và trong quản trị nhà trường.

11) Thúc đẩy sự chấp nhận trong xã hội đối với kinh doanh và văn hóa kinh doanh.

12) Khuyến khích, tài trợ cho các diễn đàn doanh nghiệp và trường ĐH, các trao đổi ở cấp độ địa phương, quốc gia và cộng đồng quốc tế.

### 6.3. Đối với doanh nghiệp

Có 6 giải pháp, trong đó giải pháp 1, 2, 3 là đột phá:

1) Nhận thức nội dung tham gia hợp tác với nhà trường là một trong những nhiệm vụ phải thực hiện và hoàn thành.

2) Thành lập các phòng ban đặc biệt để hợp tác với nhà trường.

3) Thúc đẩy lưu chuyển nhân lực và hợp tác nghiên cứu với nhà trường.

4) Có kế hoạch tham gia hội nghị khách hàng do nhà trường tổ chức; hội chợ việc làm tổ chức hàng năm.

5) Đặt hàng nhà trường ĐT nhân lực theo yêu cầu.

6) Có kế hoạch tiếp nhận SV có kết quả học tập tốt, đã trải qua đợt “thực tập trải nghiệm” tại doanh nghiệp.

### 7. Kết luận

Trong bối cảnh các trường ĐH áp dụng mô hình POHE, tuy đã có những kinh nghiệm thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp để nâng cao CL ĐT nhưng còn có những rào cản nhất định về thể chế chính sách và mô hình thực thi, làm hạn chế hiệu quả của nó. Vì vậy, hệ thống giải pháp hướng vào khắc phục những rào cản đó, góp phần giúp cho Nhà nước hoạch định được những văn bản quản lí, chỉ đạo các bên liên quan hợp tác chặt chẽ trong việc nâng cao CL ĐT nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam. Đó là hành lang pháp lí để các cơ sở ĐT và doanh nghiệp chủ động, tích cực trong việc hợp tác ĐT, chuyển giao công nghệ và hợp tác phát triển bền vững, đồng thời có tác động trực tiếp đến sự khuyến khích ĐT theo mô hình và triết lí của POHE.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Fontys University of Applied Science, (2015), *Business meets students*.
- [2]. <http://www.berufswahl-regional.de>
- [3]. Fontys University of Applied Science, (2015), *Treasuring your internship*.
- [4]. Marina Raven - Cecile Hoareau - Niccolo Durazzi - Henry Etzkowitz - Pamela Marcucci - Alex Usher, (2013), *Study in University-Business Cooperation in US*.
- [5]. Hochschule 21" in Buxtehude, (2015), *Studieren genial DUAL*.
- [6]. Rebecca Allison - Zsuzsa Jávorka - Helena Kovacs - Xavier Potau, (2014), *Thematic University - Business Forum Berlin 2014*.

### SOLUTIONS TO IMPROVE COOPERATION BETWEEN UNIVERSITY AND ENTERPRISE IN TERMS OF TRAINING TOWARDS PROFESSIONAL ORIENTED HIGHER EDUCATION

**Do The Hung**  
**Hung Yen University of Technology and Education**  
**Email: dothehung@utehy.edu.vn**

**Abstract:** University-enterprise collaboration is a popular trend in the world, brings practical benefits to university, enterprise, learners and society. Model of Professional Oriented Higher Education (POHE) has proven itself to be suitable for Vietnam context and practical conditions. Basing on the assessment of the current cooperation situation between universities and enterprises in Vietnam, research on experiences of developed countries such as the US, Canada, etc., the author propose solutions to promote relationship between universities and enterprises aiming to improve training quality in order to meet the needs of labor market in the period of accelerating industrialization, modernization and international integration in Vietnam.

**Keywords:** Collaboration; university, enterprise; higher education.